

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Anh Chiến.

Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/01/2007, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Kể từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, nặng nề, thời gian kéo

dài vợ chồng không hàn gắn được, anh chị không có tiếng nói chung để tiếp tục xây dựng gia đình. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 08/02/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, cháu T2 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T thay đổi yêu cầu do cháu T1 đã thành niên, chị T vẫn yêu cầu nuôi dưỡng cháu T2 nhưng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, bị đơn anh H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 31/01/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T trình bày giữa chị và anh H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập anh H để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh H đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh H không phản đối yêu cầu của chị T, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh H và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 08/02/2015. Cháu T1 đã thành niên, chị T không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Anh H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị T, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu nên cần thiết giao cháu cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh H được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày chị và anh H có tài sản chung nhưng anh chị sẽ tự thỏa thuận, ngoài ra anh chị không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T2, sinh ngày 08/02/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007929 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Văn H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm